



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ

Ngày 31/03/2025	15,300 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0.7%	-4.4%	2.0%

DT thuần Q1/25
347
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 18.0 5.6%
YoY: ▲ 54.0 18.5%

LN thuần Q1/25
11.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 5.96 114%
YoY: ▲ 13.8 532%

LN sau thuế Q1/25
9.50
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 3.78 66.0%
YoY: ▲ 12.1 471%

Tỷ suất lãi EBIT Q1/25
4.9%
YoY: +/-▲ 1.1%

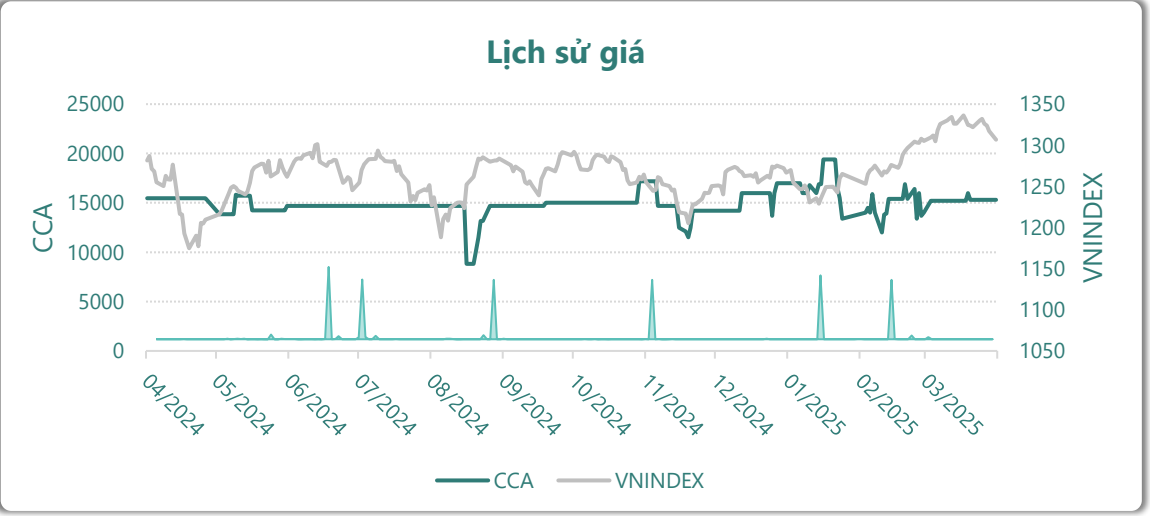
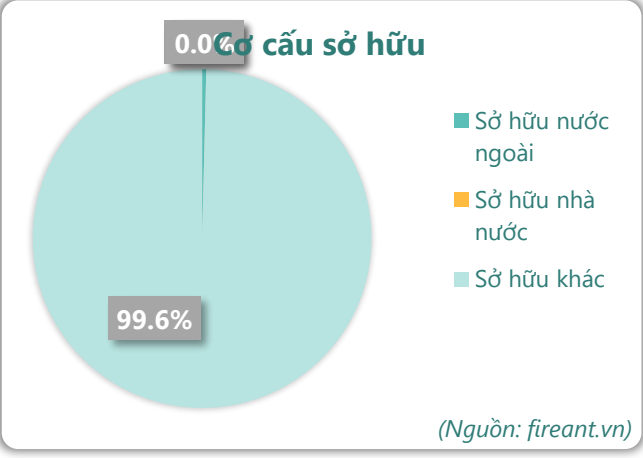
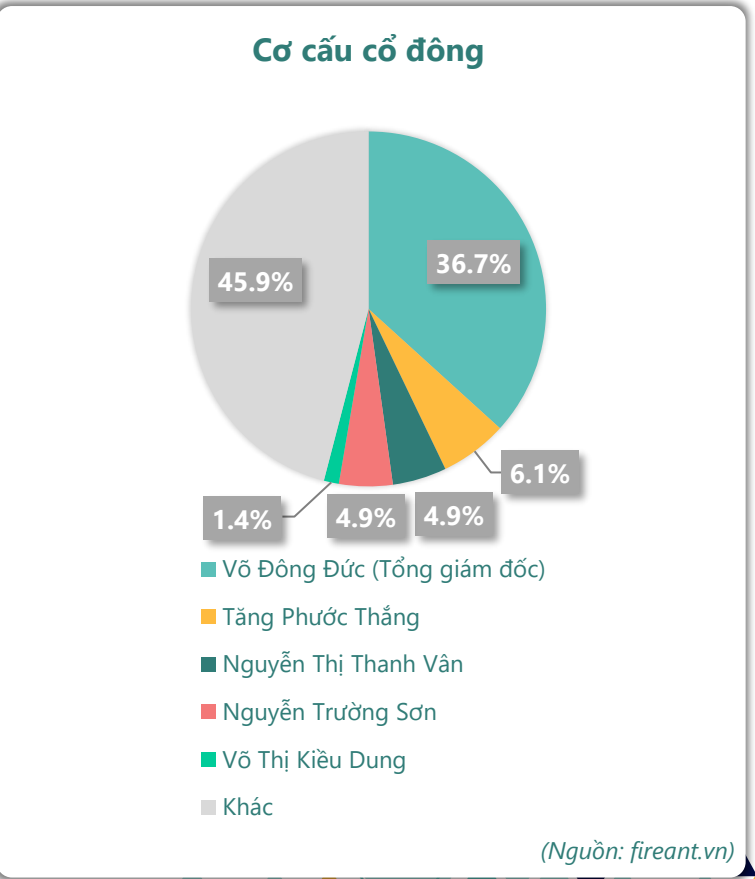
ROE (TTM) Q1/25
8.5%
YoY: +/-▲ 4.4%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	8,820 - 19,400
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	231
Số lượng CPLH (CP)	15,092,326
KLGD BQ 20 phiên (CP)	15
Sở hữu nước ngoài	0.4%
Beta	0.49
EPS	1,462
P/E	10.5

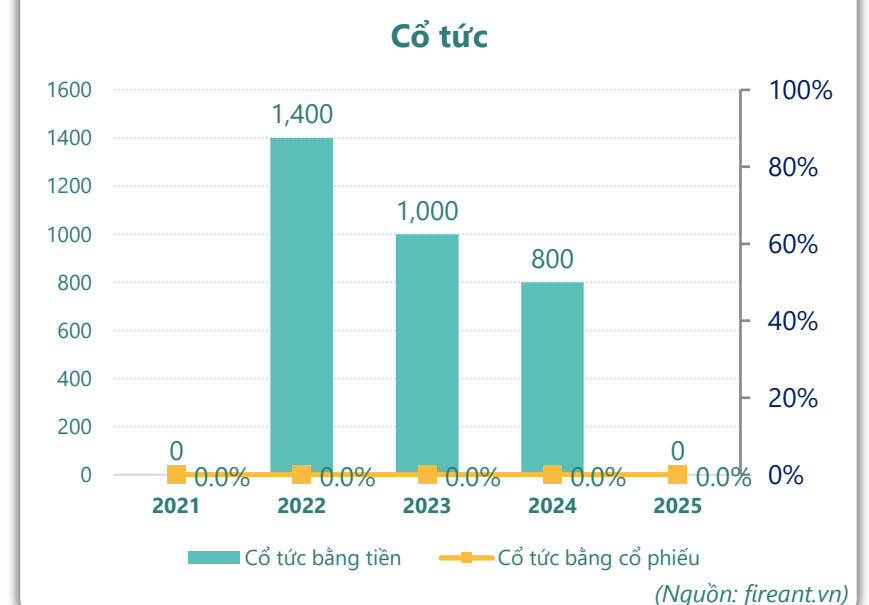
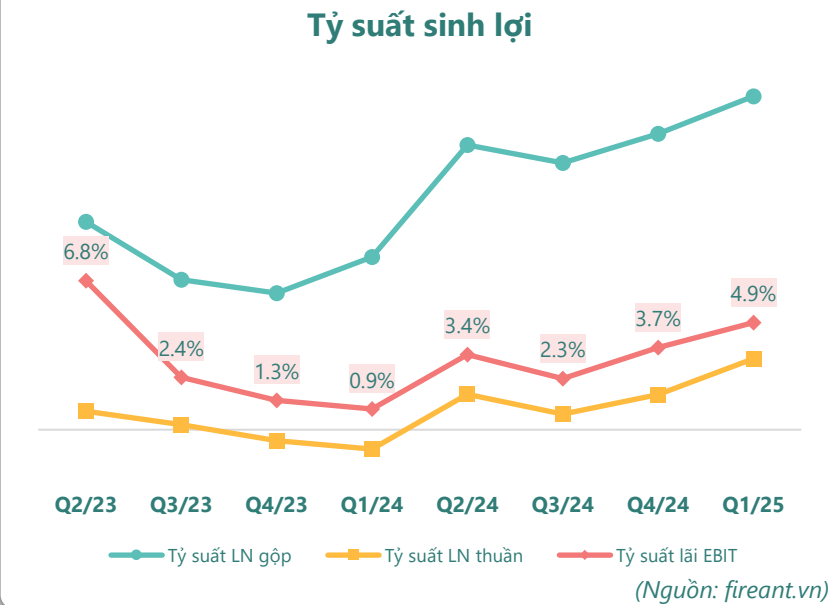
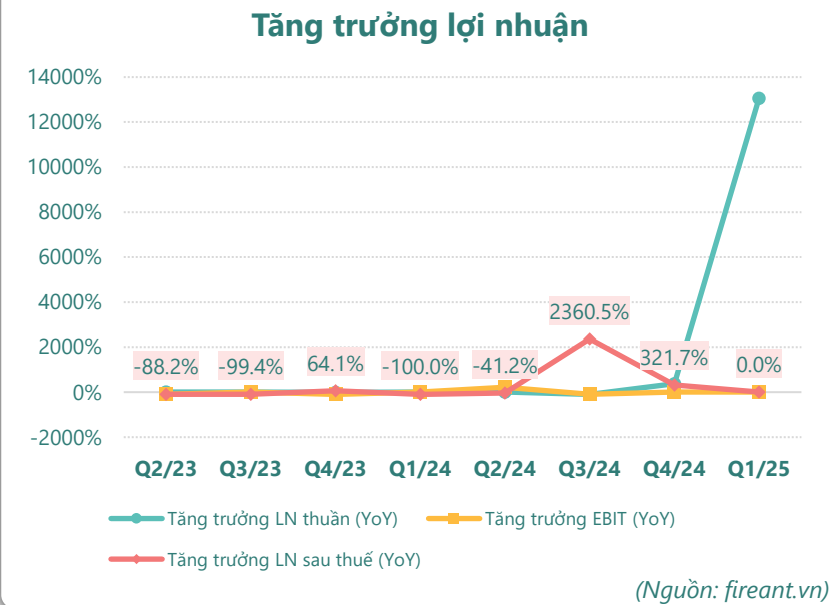
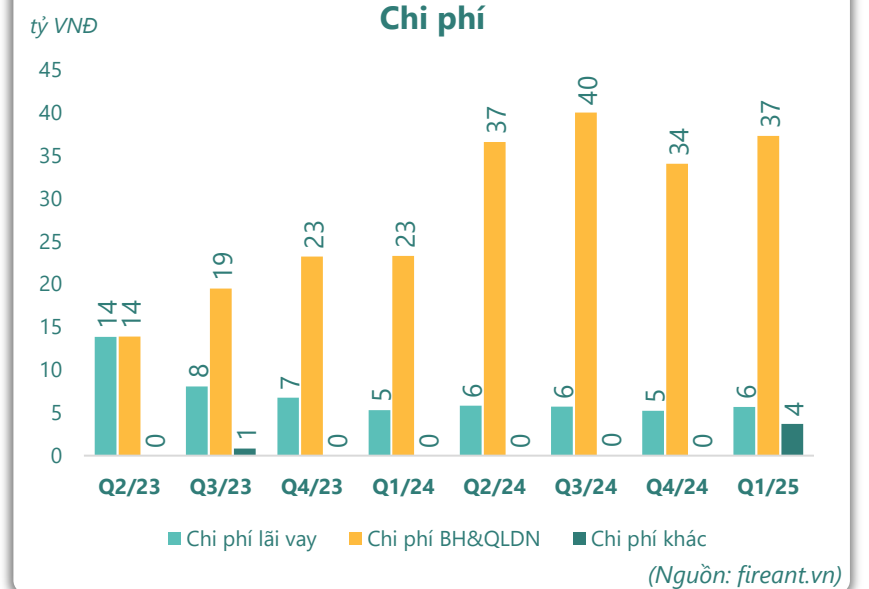
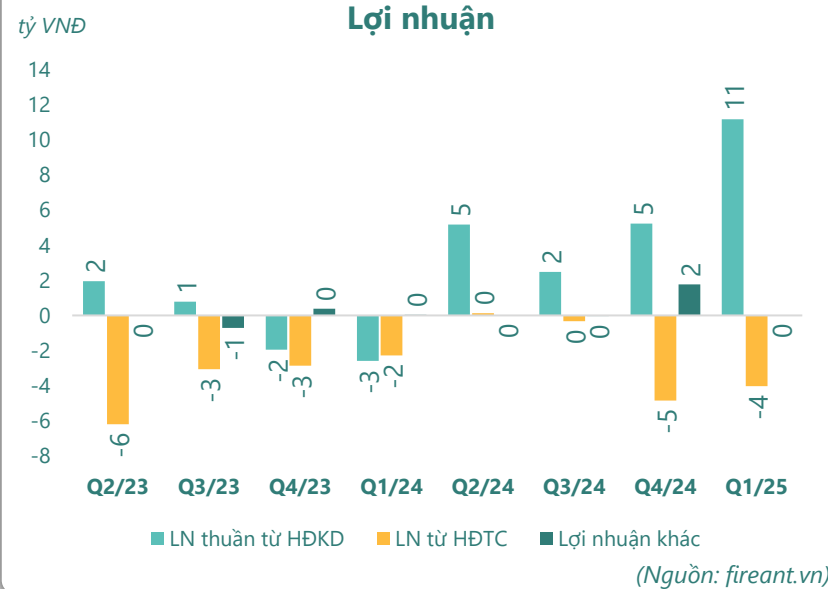
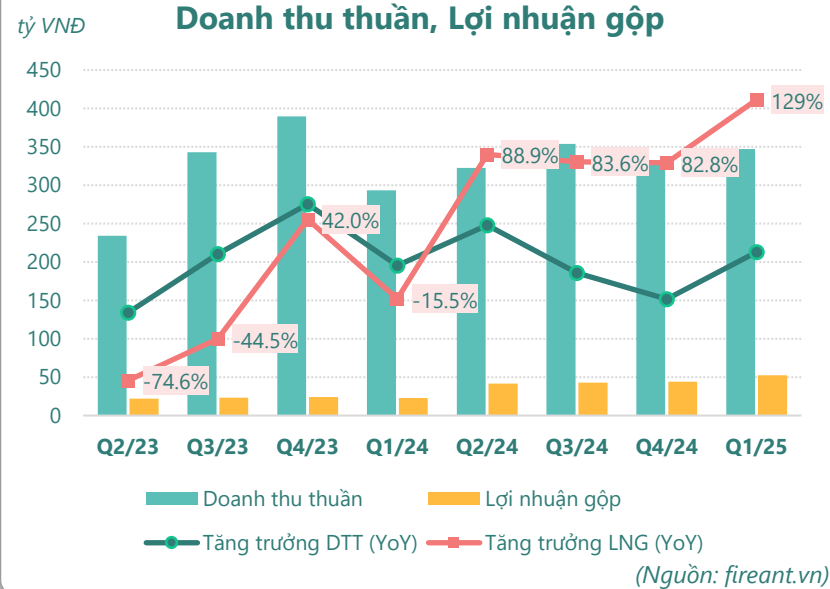
DT thuần 2024
1,298
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 61.0 5.0%

LN thuần 2024
9.57
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 5.37 128%

LN sau thuế 2024
9.36
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 5.65 152%



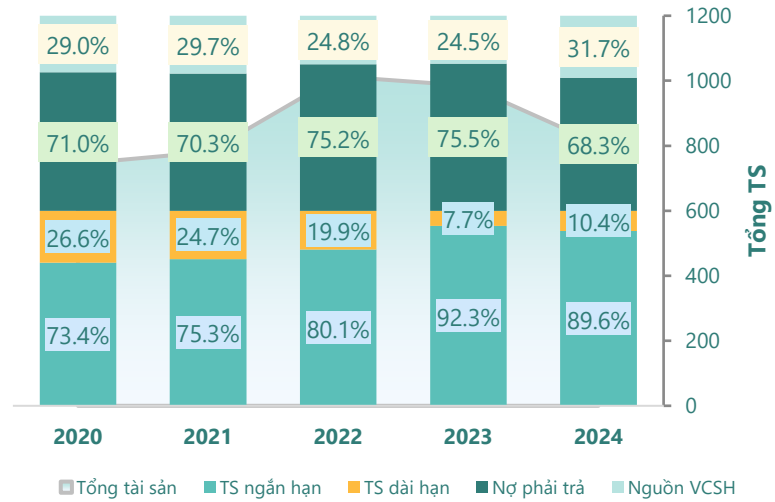
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

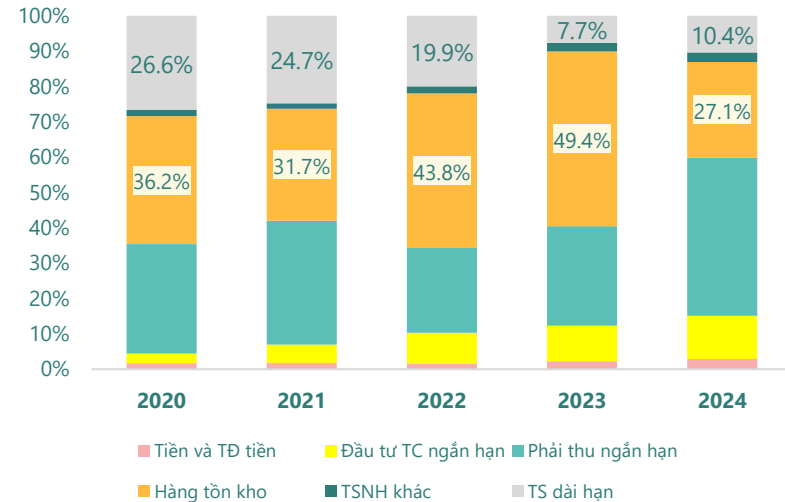
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

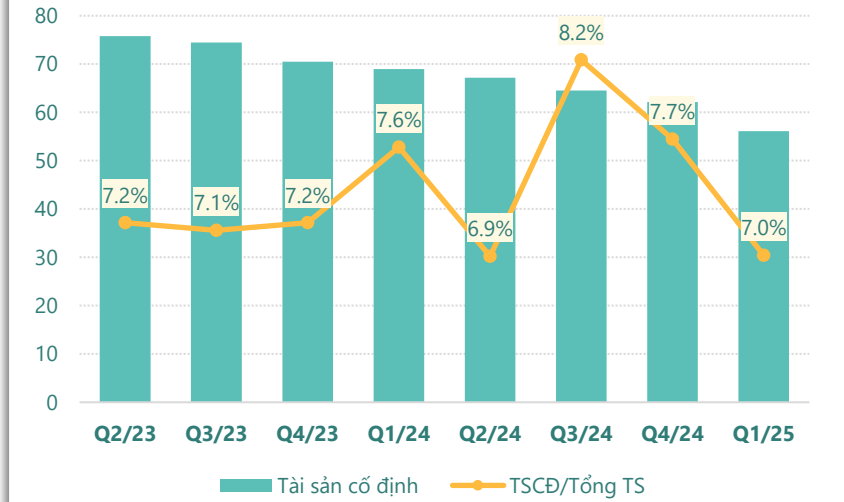
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

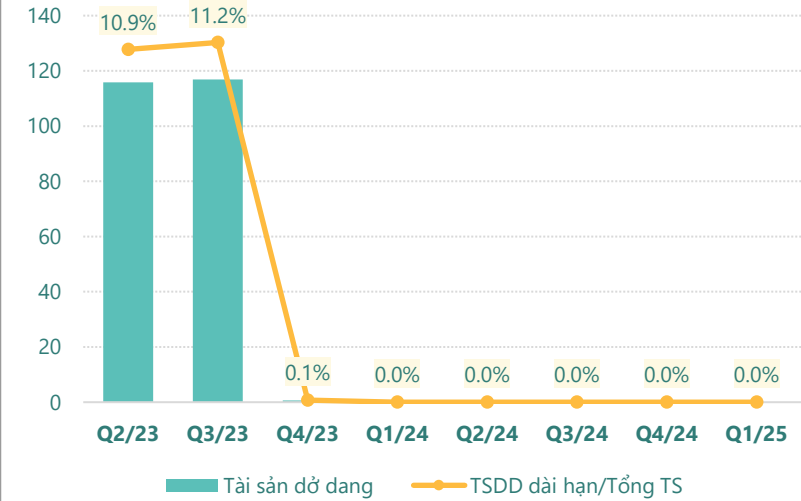
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

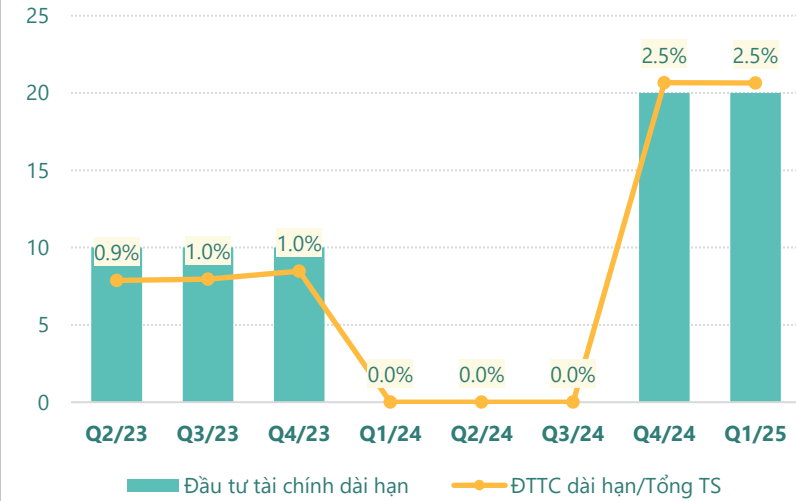
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

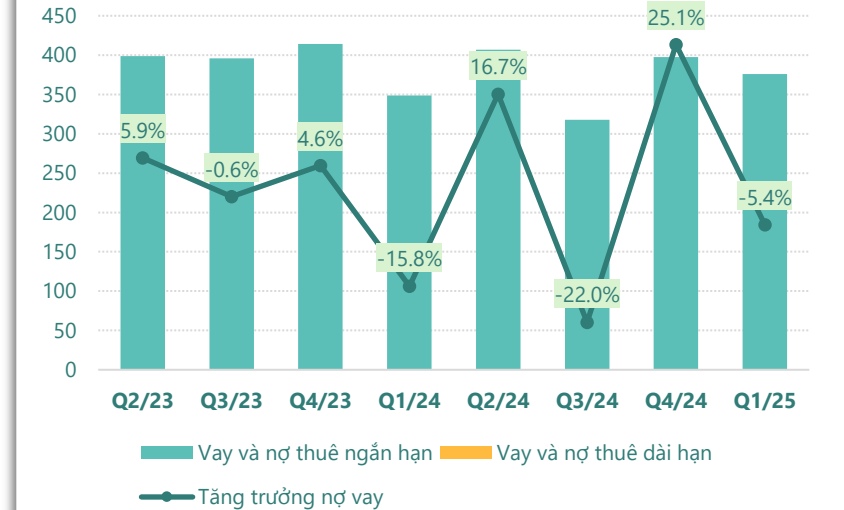
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

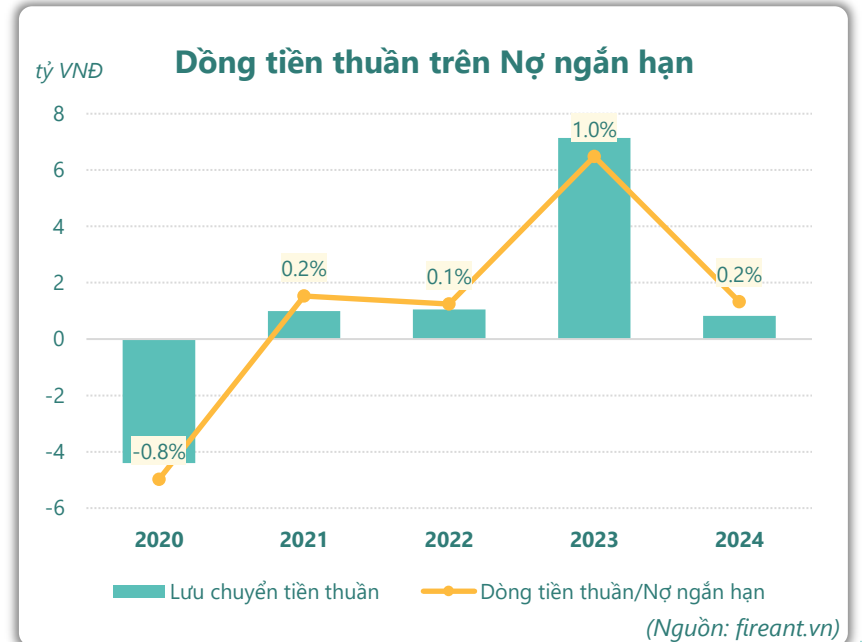
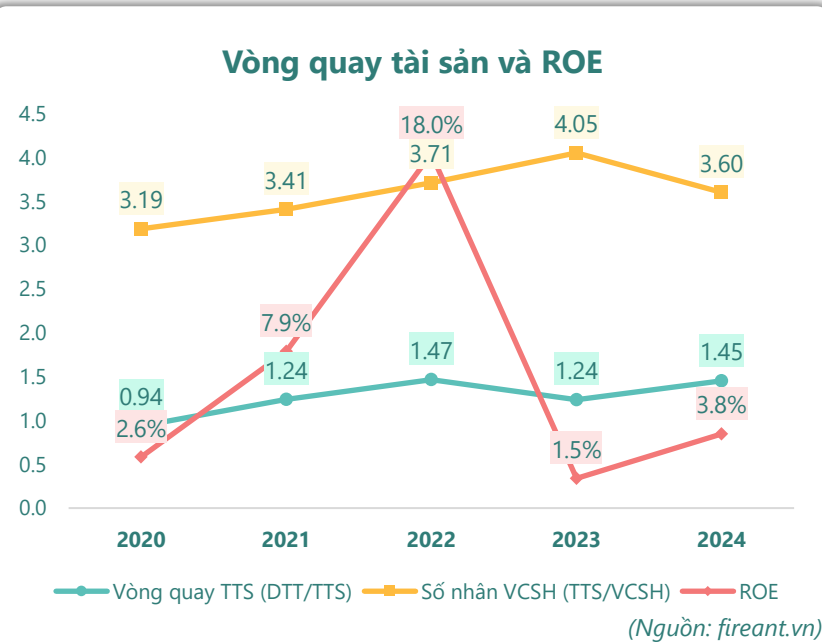
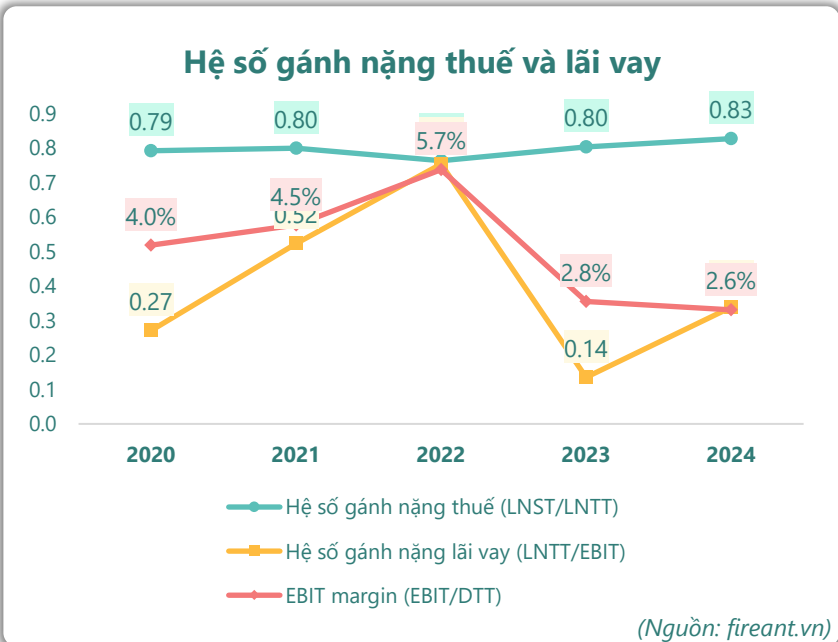
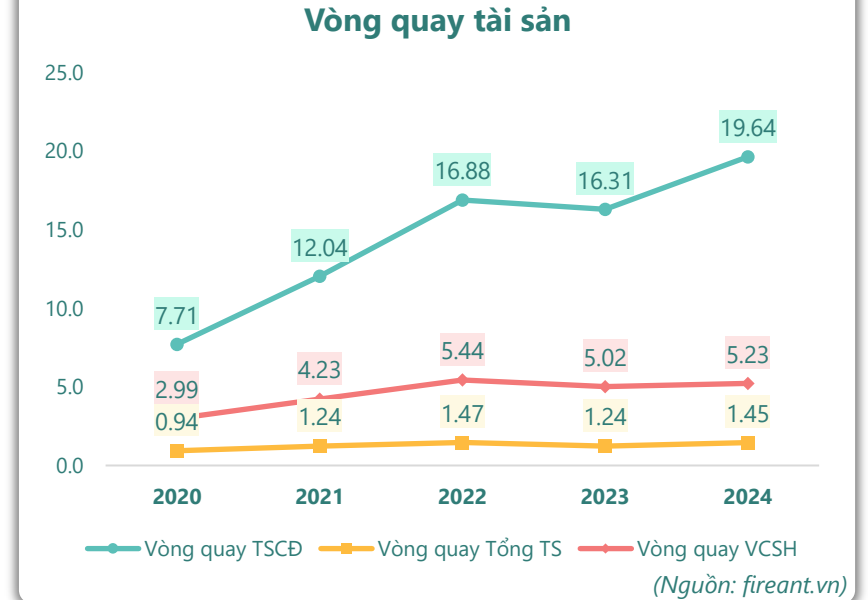
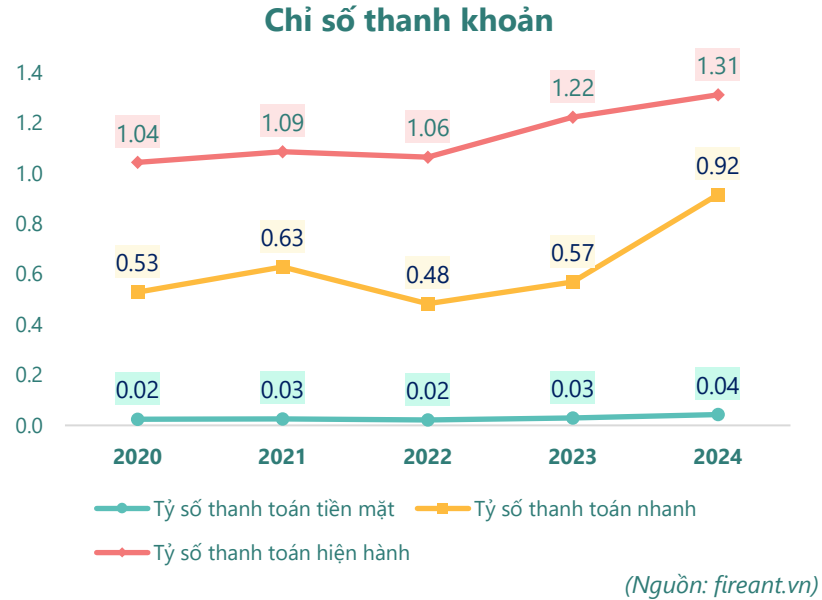
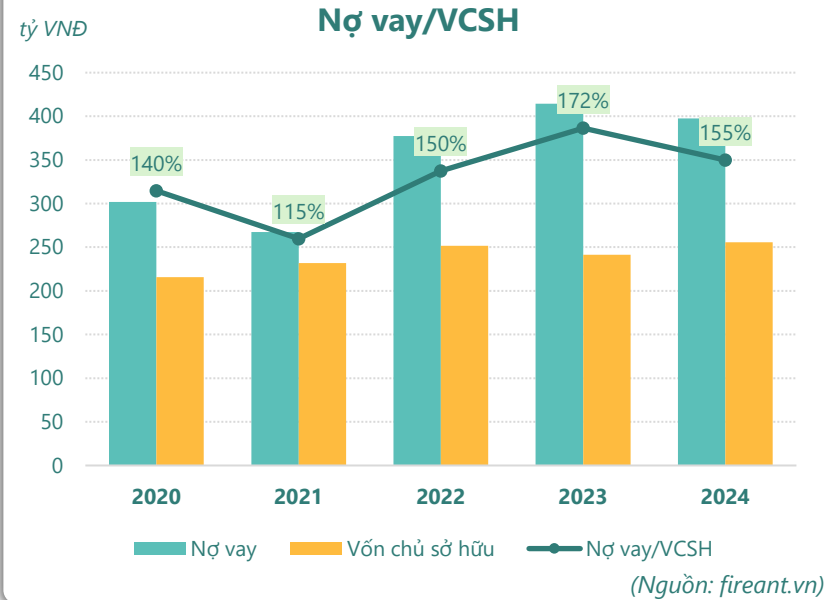
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	347	293	18.5%	1,298	1,237	5.0%
Giá vốn hàng bán	295	270	9.2%	1,148	1,141	0.6%
Lợi nhuận gộp	52.6	23.0	128%	150	96.0	56.5%
Doanh thu HĐTC	1.98	3.14	-36.9%	16.3	16.2	0.4%
Chi phí TC	6.02	5.43	10.9%	22.3	32.1	-30.4%
Chi phí lãi vay	5.68	5.32	6.8%	22.1	29.6	-25.2%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	35.6	21.9	62.6%	129	69.8	85.1%
Chi phí QLDN	1.72	1.37	25.6%	5.37	6.12	-12.2%
LN thuần từ HĐKD	11.2	-2.59	532%	9.57	4.20	128%
Lợi nhuận khác	-0.02	0.03	-163%	1.74	0.41	320%
LN trước thuế	11.2	-2.56	536%	11.3	4.62	145%
Lợi nhuận sau thuế	9.50	-2.56	471%	9.36	3.71	152%
LNST của CĐ cty mẹ	9.50	-2.56	471%	9.36	3.71	152%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-25.6	65.4	-80.8	96.5	-51.6	26.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	2.39	6.84	-6.51	7.47	-18.9	0.39
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	14.0	-63.2	68.5	-100	76.6	-21.5
Tiền đầu kỳ	30.7	22.3	31.3	13.3	17.0	23.6
Lưu chuyển tiền thuần	-9.24	8.99	-18.8	3.65	6.08	5.66
Ảnh hưởng tỷ giá	0.83	0	0.85	0	0.50	0
Tiền cuối kỳ	22.3	31.3	13.3	17.0	23.6	29.3

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	808	806	0.2%
Tài sản ngắn hạn	729	722	1.1%
Tiền và tương đương tiền	29.3	23.6	24.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	98.5	98.5	0.0%
Phải thu ngắn hạn	398	360	10.4%
Hàng tồn kho	181	218	-16.9%
Tài sản ngắn hạn khác	22.8	21.6	5.3%
Tài sản dài hạn	78.2	84.0	-6.8%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	56.1	61.7	-9.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	20.0	20.0	0.0%
Tài sản dài hạn khác	2.10	2.24	-6.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	543	550	-1.4%
Nợ ngắn hạn	543	550	-1.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	376	397	-5.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	64.6	46.4	39.3%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	265	256	3.7%
Vốn chủ sở hữu	265	256	3.7%
Vốn điều lệ	151	151	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

